

Trường Trung học cơ sở Hoàng Văn Thụ Quận 10

ĐỀ TÀI:

**ĐÁNH GIÁ NỘI DUNG CÁC HIỆP ƯỚC
GIỮA VIỆT NAM VỚI PHÁP TỪ NĂM 1883 ĐẾN 1884**

Giáo viên thực hiện: Nguyễn Thị Dự

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU.....	
I. HIỆP ƯỚC HARMAND	
1) Hoàn cảnh.....	
2) Nội dung	
3) Đánh giá hiệp ước Harmand	
II.HIỆP ƯỚC PATERNOTRE.....	
1) Hoàn cảnh.....	
2) Nội dung	
3) Đánh giá.....	
III. SO SÁNH HAI BẢN HIỆP ƯỚC: HARMAND (1883) VÀ PATONOTRE (1884).....	
KẾT LUẬN.....	
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	
PHỤ LỤC	

MỞ ĐẦU

Ngay từ khi chủ nghĩa tư bản Pháp đang trên đà phát triển thì Việt Nam đã trở thành đối tượng được quan tâm của các nhà tư bản Pháp. Một khi nhu cầu về thị trường, nguyên liệu, nhân công càng tăng thì dã tâm xâm lược lãnh thổ Việt Nam của tư bản Pháp ngày càng cao.

Ngày 1/9/1858, Pháp nổ súng đánh vào cửa biển Đà Nẵng mở màn cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam. Quân và dân ta chống trả quyết liệt. Tuy vậy, do vua quan triều đình Huế thiếu ý chí quyết tâm lại không có đường lối chỉ đạo đúng đắn, kịp thời, lực lượng lại chênh lệch có lợi cho kẻ thù... nên các vùng lãnh thổ Việt Nam lại rơi vào tay Pháp cuối cùng triều đình Huế đã buộc phải cắt đất cầu hòa, đi từ nhượng bộ này đến nhượng bộ khác. Triều đình Huế đã lần lượt kí với Pháp các bản hòa ước: Nhâm Tuất (1862), Giáp Tuất (1874), Harmand (1883) và Patonotre (1884). Đặc biệt với hai bản hiệp ước Harmand và Patonotre, triều đình Huế đã hoàn toàn đầu hàng trước sự xâm lược của thực dân Pháp, nhà nước Việt Nam với tư cách là một quốc gia phong kiến độc lập đã sụp đổ.

Ở trong chuyên đề này, chúng ta sẽ cùng tìm hiểu về các hiệp ước mà triều đình Huế kí kết với thực dân Pháp trong những năm 1883- 1884. Cụ thể chúng ta sẽ tìm hiểu về hoàn cảnh, nội dung và những đánh giá về từng hiệp ước. Sau đó là so sánh điểm giống và khác nhau giữa các hiệp ước.

ĐÁNH GIÁ NỘI DUNG CÁC HIỆP ƯỚC GIỮA VIỆT NAM VỚI PHÁP TỪ NĂM 1883 ĐẾN 1884

I. HIỆP ƯỚC HARMAND (HÒA ƯỚC QUÝ MÙI 1883)

1. Hoàn cảnh

Ngày 19/5/1883, quân triều đình dành thắng lợi trong trận Cầu Giấy, tướng Pháp là Rivie bị giết chết. Chiến thắng này làm nức lòng quân và dân ta, nếu có lệnh là nhất tề đứng dậy quét sạch kẻ thù khỏi bờ cõi. Ngược lại quân Pháp ở Hà Nội vô cùng hoang mang lo sợ, cố thủ ở Đồn Thủy. Bộ chỉ huy Pháp đã có lệnh chuẩn bị rút hết quân ở Hồng Gai, Nam Định. Lúc này, chỉ cần một cuộc đột kích nhỏ của quân ta sẽ có thể tiêu diệt toàn bộ quân Pháp, giải phóng Hà Nội. Tuy nhiên con đường thương thuyết vẫn là lựa chọn của triều đình Huế trước tình hình này. Tư tưởng chân chủ chi phối cả những tướng chủ chiến như Hoàng Tá Viêm, Trương Quang Đản. Họ đã không tranh thủ tấn công, tiêu diệt gọn quân Pháp.

Thái độ của chính phủ Pháp lúc bấy giờ hoàn toàn khác 10 năm trước. Nếu như trước đây, tin thất trận Cầu Giấy lần 1 (21/12/1873) khiến Pháp vô cùng hốt hoảng mong muốn nghị hòa sớm với triều đình thì lần này ngược lại. Bọn thực dân chớp ngay tin thất trận Cầu Giấy lần 2 và cái chết của Rivie đã lớn tiếng kêu gọi “trả thù”, nghị viện thông qua ngân sách chiến phí, gửi thêm quân và chiến hạm sang Việt Nam.

Tháng 7/1883, viện binh của Pháp kéo sang nước ta. Ngày 30/7/1883, các quan chức cao cấp của Pháp như Harmand, Cuốcbê, Buê đã họp hội nghị quân sự ở Hải Phòng bàn kế hoạch tấn công mới. Giữa lúc ấy, ngày 19/7/1883 vua Tự Đức mất. Triều đình Huế lục đục, sự kế vị sau vua Tự Đức gặp nhiều khó khăn một số quan lại chủ hòa nghĩ đến việc hợp tác với ngoại bang như Trần Tiễn Thành (1 trong 3 vị phụ chính đại thần), còn hai ông Tôn Thất Thuyết và Nguyễn Văn Tường lại chủ

trương kháng chiến. Ai cũng nắm quyền bính trong tay, họ gây nên những khủng hoảng triều đình. Vua Dục Đức (người mà vua Tự Đức khi chết đã chỉ định lên nối ngôi) ở ngôi 3 ngày thì bị phế, Hiệp Hòa (em ruột của vua Tự Đức) được đưa lên thay. Lợi dụng tình hình đó, thực dân Pháp đồng thời với trận đánh quy mô ở Bắc Kỳ sau khi được tăng viện, giữa tháng 8/1883 cao ủy Pháp là Harmand ra lệnh cho đô đốc Cuốcbê đưa một hạm đội với 600 quân từ Đà Nẵng kéo ra cửa biển Thuận An, cở hòng của kinh thành Huế. Sáng ngày 18/8, Cuốcbê đưa tới hậu thư đòi triều đình giao tất cả các pháo đài trong vòng 2 giờ. Đến 4 giờ chiều hôm đó, tàu chiến Pháp bắt đầu nổ súng và công phá suốt mấy hôm liền các đồn trại của quân ta trên bờ. Chiều ngày 20, quân Pháp bắt đầu đổ bộ, đến tối hôm đó thì chiếm toàn bộ Thuận An. Các quan trấn thủ Thuận An như Lê Sỹ, Lê Chuẩn, Lâm Hoàn, Nguyễn Trung đều hy sinh trong chiến đấu. Triều đình Huế nghe vọng tiếng đại bác trong mấy ngày liền đã lo ngại vô cùng, nay lại tiếp tục tin thất bại lại càng thêm hốt hoảng, vội cử Nguyễn Văn Tường xuống Thuận An gặp Cuốcbê xin đình chiến. Cao ủy Pháp Harmand liền đi ngay lên Huế Đặt điều kiện cho điều ước mới. Ngày 25/8/1883 hiệp ước Harmand được kí kết, còn được gọi là Hòa ước Quý Mùi 1883.

2. Nội dung

Hiệp ước Harmand được ký kết vào ngày 25 tháng 8 năm 1883 tại kinh đô Huế giữa đại diện của Pháp là Harmand - Tổng ủy, đại diện ngoại giao cho nước Cộng hòa Pháp và đại diện của triều Nguyễn là Trần Đình Túc - Hiệp biện Đại học sĩ (Trưởng đoàn), Nguyễn Trọng Hợp - Thượng thư bộ lại (Phó đoàn).



Hiệp biện Đại học sĩ Trần Đình Túc (Chánh sứ- hình bên trái) và Thượng thư Bộ Lại Nguyễn Trọng Hợp (hình bên phải) hay mặt triều đình nhà Nguyễn ký Hiệp ước Harman (Hiệp ước Quý Mùi-1883) với nước Pháp.



Tổng ủy Jules Harman, đại diện nước Pháp ký Hiệp ước Quý Mùi-1883 với triều đình nhà Nguyễn.

Hiệp ước có tất cả 27 điều khoản với nội dung chính là xác lập quyền bảo hộ lâu dài của Pháp trên toàn bộ Việt Nam. Hiệp ước này chính thức đánh dấu thời kỳ, 1883-1945, toàn bộ Việt Nam trở thành thuộc địa của Thực dân Pháp (thời Pháp thuộc).

Hòa ước này được kí kết vào ngày hai mươi ba (23), tháng bảy (07), năm Tự Đức thứ ba mươi sáu (36), Quý Mùi (25-08-1883), nội dung gồm những điểm cơ bản sau:

Việt Nam thừa nhận Pháp bảo hộ, mọi việc ngoại giao gồm cả quan hệ với nhà Thanh đều do Pháp nắm. Pháp bảo vệ triều đình chống ngoại xâm và dẹp nội loạn. Ở trong nước cũng như ở ngoài nước, người Việt Nam bị coi như những dân bảo hộ chính thức của Pháp. Ở Bắc Kỳ, các tỉnh lớn có công sứ (Hà Nội, Hải Phòng), các tỉnh nhỏ có quan chức Pháp có một đơn vị lính Pháp hay bản xứ bảo vệ, tuy các tên này không can thiệp chi tiết vào việc cai trị nhưng lại có quyền thay đổi quan lại bản xứ nào có ý định không tốt với Pháp và có quyền kiểm soát việc tuần phòng, thống nhất chỉ huy thuế vụ và giám sát thu chi, hoàn toàn trong coi về thuế quan. Pháp sẽ cung cấp huấn luyện viên, sĩ quan, kỹ thuật viên... để nắm mọi ngành của triều đình.

Về hành chính, tỉnh Bình Thuận sẽ sáp nhập vào Nam Kỳ, thay cho món nợ chiến phí triều đình còn thiếu Pháp (khoản 2) khu vực do triều đình cai quản như cũ chỉ còn lại từ Khánh Hòa tới Đèo Ngang (có nghĩa là đất bảo hộ Bắc Kỳ sẽ bao gồm cả Nghệ An, Hà Tĩnh, Thanh Hóa). Trong khu vực này, quan lại triều đình cai trị như cũ không bị quân Pháp kiểm soát, nhưng các việc thương chính, công chính đều do Pháp nắm (khoản 6).

Về quân sự, ngoài việc phải nhận huấn luyện viên và sĩ quan của Pháp, triều đình phải triệt hồi các đội quân đã điều động ra Bắc trước đây, để Pháp đóng lính ở Đèo Ngang, ở Thuận An, xây dựng lại các đồn cửa Đông thành Huế theo ý của

Pháp, cho Pháp được đóng binh ven sông Hồng và những nơi nào xét thấy cần thiết, để Pháp xử lí hoàn toàn quân cờ Đen.

Về kinh tế tài chính, ngoài việc Pháp nắm thuế quan và mọi công việc thuế vụ, triều đình phải để cho đồng bạc Mỹ Tây Cơ (tiền Mêxicô) và tiền tệ do nhà băng Đông Dương ở Nam Kỳ phát hành được tự do lưu hành trên toàn quốc. Triều đình ngoài cửa biển Quy Nhơn, phải mở cửa biển Đà Nẵng, Xuân Đài (Phú Yên) và các cửa biển khác nữa nếu sau này xét thấy có lợi.

Bản hiệp ước này sẽ được trình lên giám quốc nước Pháp cộng hòa và đức hoàng đế nước Nam chuẩn y. Việc xác nhận và hồ giao sẽ được trao đổi càng sớm càng tốt. Nước Pháp và nước Nam bổ nhiệm các vị đại diện ngoại giao, sẽ họp tại Huế để xem xét và định ra mọi chi tiết. Các vị đại diện ngoại giao đó sẽ nghiên cứu trong một cuộc họp chế độ thương mại có lợi nhất cho hai nước, cũng như quy chế quan thuế lấy điều khoản XIX trên đây làm căn bản, và những vấn đề thuộc về độc quyền ở Bắc Kỳ, về các nhượng địa để khai mỏ, về chuyên chở tàu thuyền, về ruộng muối và các ngành công nghiệp.

3. Đánh giá hiệp ước Harmand

Hiệp ước Harmand là bản hiệp ước nặng nề nhất trong số các hòa ước mà triều đình Huế kí với Pháp. Với bản hiệp ước này, triều đình Huế chính thức thừa nhận sự bảo hộ của Pháp trên toàn lãnh thổ Việt Nam.

Hòa ước Harmand là sự phản bội tồi tệ nhất của triều đình Huế đối với nhân dân nên bị nhân dân cả nước lên án và phản đối quyết liệt.

Hiệp ước Harmand đã làm cho chủ quyền độc lập của dân tộc ta bị vi phạm một cách trắng trợn gây nên nhiều nổi bất bình trong nhân dân. Hiệp ước Harmand rõ ràng là một hàng ước về phía triều đình Huế, hàng ước này được ký chỉ sau mấy ngày chiến sự tại Thuận An, thật là quá vội vàng và thiếu những suy tính cẩn thận.

II. HIỆP ƯỚC PATERNOTRE (HÒA ƯỚC GIÁP THÂN 1884)

1. Hoàn cảnh

Hiệp ước Harmand, triều đình Huế coi như đã phản bội nhân dân cả nước, do vậy nhân dân ngoài Bắc vẫn quyết tâm kháng chiến đến cùng, lệnh duyệt binh của triều đình không ai nghe theo, nhiều trung tâm kháng chiến vẫn tiếp tục hình thành, các toán nghĩa binh do các quan lại chủ chiến đã phối hợp với các lực lượng quân Thanh kéo sang từ mùa thu năm 1882 liên tiếp quấy đảo, tiến công quân Pháp gây cho chúng nhiều thiệt hại.

Để chấm dứt chiến sự, tháng 12/1883 Pháp buộc phải tiến hành các cuộc hành binh tiêu diệt các ổ đề kháng còn lại. Lúc bấy giờ, chính phủ Pháp thấy cần tận dụng chính quyền cũ của nhà Nguyễn để hoàn tất cuộc xâm lược hay nói đúng hơn là để bình định Việt Nam ít tốn kém nhất cả về người và của. Thủ tướng Pháp là Ferry nói rõ: “khôn ngoan hơn là chỉ nên nghĩ đến một cuộc bảo hộ... Muốn giúp cho công cuộc kinh doanh của nước Pháp ở Đông Dương đạt hiệu quả tốt thì nước Đại Nam không thể là một cái hư không được”. Đồng thời tiến hành thương lượng để loại trừ sự can thiệp của nhà Thanh (Pháp dùng áp lực buộc triều đình Mãn Thanh kí điều ước Thiên Tân 11/5/1884, theo đó quân Mãn Thanh thừa nhận chủ quyền của Pháp ở Việt Nam và cam kết rút hết số quân đã tràn sang Việt Nam từ năm 1882), Paternotre sang Việt Nam cùng triều đình Huế kí hiệp ước mới vào 6/6/1884 nội dung chủ yếu giống hiệp ước Harmand nhưng có sửa chữa một số điều, hiệp ước mới được gọi là Hiệp ước Paternotre hay Hòa ước Giáp Thân 1884.

2. Nội dung

Hiệp ước Patonotre (*Hòa ước Giáp Thân 1884*) được kí kết vào ngày 13 tháng 5 (âm lịch), năm Kiến Phúc thứ nhất, nhằm ngày 6/6/1884. Đại diện phía chính phủ Pháp là Giuyn Patonotre (đại sứ của Pháp ở Trung Hoa). Đại diện phía triều đình Huế là Nguyễn Văn Tường (thượng thư bộ Lại, kiêm phụ chính thứ nhất), Phan Thận Duật (thượng thư bộ Hộ), và Tôn Thất Phan (thượng thư bộ Công).



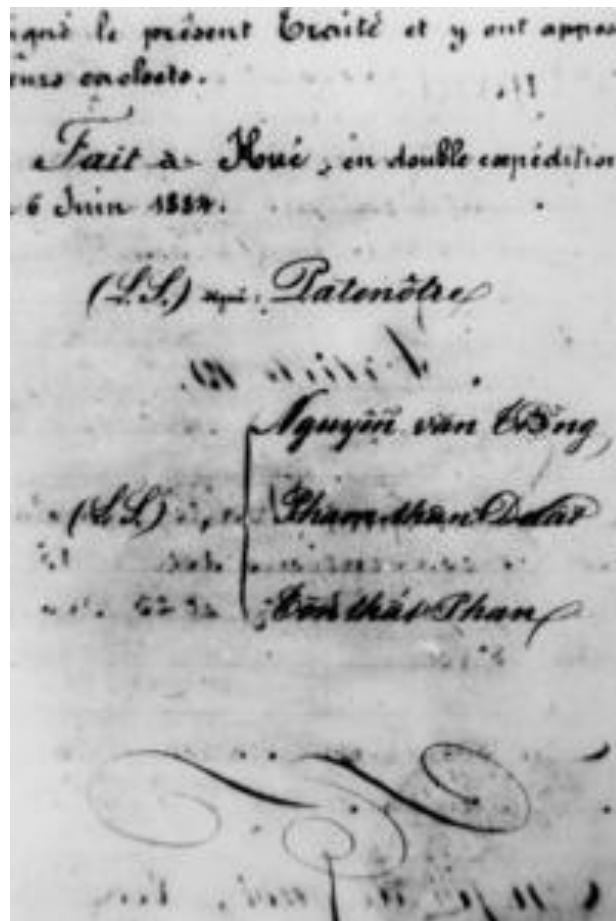
Toàn quyền đại thần Phạm Thiện Duật (1825-1885), người thay mặt triều đình nhà Nguyễn ký Hòa ước Giáp Thân 1884.

Hầu hết nội dung các điều khoản trong bản hoà ước mới này không khác nhiều so với bản hoà ước Quý Mùi (Harmand) ký năm 1883, tuy nhiên có thêm hai điều khoản mới:

➤ Chia nước Việt Nam ra làm ba xứ: Bắc Kỳ (tonkin), Trung Kỳ (Annam), Nam Kỳ (Cochinchine) dưới ba chế độ khác nhau; mỗi kỳ có một chế độ cai trị riêng như là ba nước riêng biệt. Nam Kỳ là xứ thuộc địa Pháp; Bắc Kỳ và Trung Kỳ là xứ Pháp bảo hộ nhưng triều đình nhà Nguyễn trên danh nghĩa vẫn được quyền kiểm soát. Đây là điểm chính trong toàn bộ chính sách “chia để trị” của chủ nghĩa thực dân.

➤ Trả các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Hà tĩnh trước thuộc Bắc Kỳ nay thuộc về Trung Kỳ và trả tỉnh Bình Thuận trước thuộc Nam Kỳ hoàn lại cho Trung Kỳ. Như vậy thực dân Pháp đã không lật đổ mà giữ lại triều đình nhà Nguyễn để dựa vào cơ cấu hành chính, chính quyền nhà Nguyễn để bóc lột nhân dân và đàn áp

phong trào đấu tranh của nhân dân, thực hiện chính sách nguỵ trang mỵ dân, xoa dịu mâu thuẫn với nhân dân, chia rẽ phong trào đấu tranh của quần chúng.



Một trang trong Hòa ước Giáp Thân 1884.

Hiệp ước Patonotre (Hòa ước Giáp Thân 1884) được chính phủ Pháp thông qua ngày 7/5/1885, chúng còn chép thêm vào một điều ước mới về chế độ hầm mỏ ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ.

3. Đánh giá

Đây là bản hiệp ước nhằm xoa dịu dư luận, xoa dịu đấu tranh của nhân dân, lung lạc, mua chuộc thêm một bước nữa đối với giai cấp phong kiến Việt Nam. Nó đặt cơ sở lâu dài và chủ yếu cho quyền đô hộ của thực dân Pháp đối với nước ta.

Hiệp ước patonotre đã thủ tiêu nền độc lập và thống nhất của đất nước ta. Sự mất nước từ không tất yếu đã trở thành tất yếu.

III. SO SÁNH HAI BẢN HIỆP ƯỚC: HARMAND (1883) VÀ PATONOTRE (1884)

1. Giống nhau:

- Hai hiệp ước này được kí kết dưới áp lực quân sự của thực dân Pháp đánh dấu sự đầu hàng của giai cấp phong kiến Việt Nam trước chủ nghĩa tư bản pháp.
- Cả hai hiệp ước đều được kí kết khi mà triều đình Huế đang rơi vào cơn khủng hoảng trầm trọng, không tìm ra lối thoát.
- Trong cả hai bản hiệp ước, lãnh thổ nước ta đều bị chia làm 3 Kỳ với chế độ khác nhau: Nam Kỳ là thuộc địa của Pháp; Trung Kỳ là chế độ nửa bảo hộ; Bắc Kỳ là xứ bảo hộ của Pháp.

2. Khác nhau:

HIỆP ƯỚC HARMAND	HIỆP ƯỚC PATONOTRE
• Hiệp ước Harmand gồm 27 điều khoản. • Theo hiệp ước: Tỉnh Bình Thuận sáp nhập vào Nam Kỳ, 3 tỉnh Thanh Hóa- Nghệ An- Hà Tĩnh sáp nhập vào Bắc Kỳ. • Nó quá nặng nề nên gây phản ứng mạnh mẽ từ các vua quan trong triều và nhân dân cả nước.	• Hiệp ước Patonotre gồm có 19 điều khoản. • Theo hiệp ước này, thực dân Pháp trả tỉnh Bình Thuận và 3 tỉnh Thanh Hóa- Nghệ An- Hà Tĩnh về cho triều đình quản lý. • Hiệp ước được kí kết nhằm xoa dịu sự phản đối của dư luận và vua quan nhà Nguyễn

3. Nhận xét:

Các hiệp ước trên điều thể hiện sự nhu nhược của triều đình Huế không dám cùng nhân dân đứng lên chống Pháp.

Các hiệp ước trên đã tạo điều kiện cho thực dân Pháp đặt ách thống trị lâu dài ở nước ta.

→ Nội bộ triều đình Huế sau hai bản Hiệp ước:

Hai hiệp ước Harmand và Patonotre đã chấp dứt sự tồn tại của nhà nước phong kiến độc lập. Tuy vậy, phái chủ chiến do vua Hàm Nghi và Tôn Thất Thuyết đứng đầu vẫn nuôi hy vọng khôi phục lại chủ quyền.

Dựa vào phong trào kháng chiến của nhân dân, phái chủ chiến trong triều đình Huế mà đại diện là Tôn Thất Thuyết (Thượng thư Bộ binh) và Nguyễn Văn Tường (Thượng thư Bộ Lại) mạnh tay hành động, phế truất các vua chủ hòa Dục Đức, Hiệp Hòa và tích cực chuẩn bị những điều kiện cho cuộc kháng chiến chống Pháp lâu dài.

KẾT LUẬN

Qua việc triều đình Huế ký với Pháp 2 bản hiệp ước: harmand (1883) và patonotre (1884) có thể nói đến đây, chế độ phong kiến Việt Nam với ý nghĩa là một vương triều độc lập đã sụp đổ. Như vậy là sau 26 năm tiến hành chiến tranh xâm lược (1858-1884) thực dân Pháp đã cơ bản hoàn thành ý đồ xâm lược, đặt Việt Nam dưới sự bảo hộ của Pháp. Từ đây về sau là quá trình chúng tiến hành công cuộc bình định đối với phong trào đấu tranh của nhân dân ta. Từ năm 1897, Pháp bắt tay vào cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất, vơ vét của cải, tài nguyên của nước ta để làm lợi cho bọn tư bản Pháp. Các vua triều Nguyễn còn tồn tại sau đó chủ yếu do thực dân Pháp lập nên như một con bài cần thiết cho sự vận hành guồng máy thống trị của chủ nghĩa thực dân mà thôi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Quang Ngọc (8/2010), Tiến trình lịch sử Việt Nam, NXB Giáo dục Việt Nam, Thái Nguyên, tr224.
2. GS. Nguyễn Phan Quang, TS. Võ Xuân Đàng, Lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến năm 1884, NXB Thành Phố Hồ Chí Minh, từ tr424-tr427.
3. Đinh Xuân Lâm (2009), Đại cương lịch sử Việt Nam tập 2, NXB Giáo dục, tr53,54,55.
4. Tôn Thất Bình (2000), Triều đình nhà Nguyễn, NXB Đà Nẵng.
5. Lương Ninh (2005), Lịch sử Việt Nam giản yếu, NXB Chính trị quốc gia.
6. PGS.TS Nguyễn Ngọc Cơ (2009), Tri thức lịch sử phổ thông lịch sử Việt Nam tập 3 từ 1858- 1930, NXB Trẻ, tr28,29.

PHỤ LỤC
(Các điều khoản trong các bản Hiệp ước)

HIỆP ƯỚC HARMAND (25/8/1883)

Điều khoản 1: Nước Nam thừa nhận và chịu sự bảo hộ của nước Pháp trong các mối quan hệ về phương diện pháp luật, ngoại giao châu Âu, nghĩa là nước Pháp sẽ chủ trì mọi việc giao thiệp của nước Nam với tất cả các nước khác, bao gồm cả nước Tàu. Triều đình nước Nam sẽ chỉ giao thiệp về ngoại giao với các nước nói trên qua sự môi giới của nước Pháp mà thôi.

Điều khoản 2: Tỉnh Bình Thuận sáp nhập vào xứ Nam Kỳ của Pháp.

Điều khoản 3: Một đội binh Pháp chiếm đóng thường xuyên dãy núi đèo Ngang từ dãy núi này chạy ra đến mũi đất Vũng Chùa; binh Pháp cũng đóng các đồn Thuận An và các đồn ở cửa sông Huế. Các đồn này sẽ được xây dựng lại tùy theo ý muốn của các nhà cầm quyền Pháp.

Điều khoản 4: Triều đình nước Nam sẽ gọi về ngay các đạo quân đã phái ra Bắc Kỳ để thực thi hòa bình.

Điều khoản 5: Triều đình nước Nam sẽ ra lệnh cho quan lại ở Bắc Kỳ trở lại li sở, bổ nhiệm các quan lại mới để điền vào những nơi khuyết, và sẽ lâm thời công nhận những sự bổ nhiệm của nhà cầm quyền Pháp sau khi đã có sự thỏa hiệp của đôi bên.

Điều khoản 6: Quan lại các tỉnh từ đường biên phía bắc tỉnh Bình Thuận ra đến đường biên Bắc Kỳ, lấy đèo Ngang làm giới hạn, sẽ tiếp tục do triều đình cai trị như xưa, không có bất cứ một sự kiểm soát nào của nước Pháp, trừ những công việc thuộc về thương chính hay công chính, và nói chung là những công việc cần có một sự chủ trương duy nhất và khả năng của các nhân viên kỹ thuật châu Âu.

Điều khoản 7: Triều đình nước Nam sẽ tuyên bố mở cửa cho thương mại châu Âu, ngoài cửa biển Quy Nhơn, còn có các cửa biển Đà Nẵng và Xuân Đài (Phú Yên). Sau này, sẽ thảo luận xem có nên mở thêm các cửa biển khác nữa không, để có lợi cho cả hai nước; và cũng sẽ định giới hạn cho các khu nhượng địa của Pháp ở những cửa biển đã mở. Nước Pháp sẽ đặt ở đấy những nhân viên dưới quyền trú sứ Pháp tại Huế.

Điều khoản 8: Nước Pháp có thể dựng một hải đăng ở mũi đất Varella hoặc ở mũi đất Padaran hay Poulo Cécir, tùy theo lời phúc bẩm của các sĩ quan và kĩ sư Pháp.

Điều khoản 9: Sau khi đôi bên thỏa hiệp, và phí tổn chịu chung, chính phủ nước Nam sẽ tu sửa lại con đường lớn từ Hà Nội đến Sài Gòn, quản lí sao cho tốt để xe cộ đi lại được. Nước Pháp sẽ cung cấp những kĩ sư để phụ trách những công việc như cầu cống, đường hầm.

Điều khoản 10: Một đường dây điện báo sẽ đặt trên con đường lớn này, rồi do nhân viên của nước Pháp phụ trách. Một phần thuế thu được sẽ giao cho chính phủ nước Nam, vì đã nhượng đất đai để làm các trạm điện báo.

Điều khoản 11: Ở Huế sẽ có một trú sứ là một vị quan cao cấp. Trú sứ không can thiệp vào những công việc nội trị của địa phương Huế, nhưng sẽ là người đại diện chính phủ bảo hộ, đặt dưới quyền kiểm tra của tổng ủy viên chính phủ Cộng hòa Pháp; vị này sẽ chủ trì những công việc ngoại giao của vương quốc An Nam, nhưng có thể sẽ ủy quyền toàn bộ hoặc một phần quyền bính cho trú sứ ở Huế.

Trú sứ Pháp tại Huế sẽ được quyền một mình vào diện kiến vua nước Nam, nhà vua không thể từ chối không tiếp, nếu không có lí do chính đáng

Điều khoản 12: Ở Bắc Kỳ sẽ có một trú sứ ở Hà Nội, một ở Hải Phòng, một ở các thành phố duyên hải sẽ được thiết lập sau, và một tại tỉnh lỵ mỗi tỉnh lớn. Ngay sau khi thấy có nhu cầu tại các tỉnh lỵ ở các tỉnh nhỏ, cũng sẽ đặt những viên chức

người Pháp thuộc quyền quan trú sứ tỉnh lớn, mà tỉnh nhỏ ấy phụ thuộc theo khu vực hành chính trong xứ.

Điều khoản 13: Các quan trú sứ hoặc phó sứ sẽ có những người giúp việc và những người cộng tác cần thiết và được bảo vệ bởi một toán lính Pháp hoặc bản xứ đủ cho họ được tuyệt đối an toàn.

Điều khoản 14: Các quan trú sứ sẽ tránh không can thiệp sâu vào công việc nội trị các tỉnh. Các quan lại bản xứ sẽ tiếp tục cai trị và điều hành dưới quyền kiểm soát các quan trú sứ, nhưng họ sẽ có thể bị thay thế bởi người khác theo yêu cầu của các nhà cầm quyền Pháp nếu họ tỏ ra có điều không tốt với quan Pháp.

Điều khoản 15: Các quan lại, viên chức Pháp thuộc các công sở như bưu điện, công khổ, thương chính, công chính, giáo dục Pháp, nếu có tư trình gì với nhà cầm quyền nước Nam thì sẽ chỉ do các quan trú sứ chuyển đạt.

Điều khoản 16: Các quan trú sứ xét xử các án kiện về dân sự và thương mại của người châu Âu tranh chấp với người bản xứ, của người bản xứ tranh chấp với người các nước châu Á muốn hưởng sự bảo hộ của người Pháp. Nếu không đồng ý với các án xử của các quan trú sứ thì khiếu nại ở Sài Gòn.

Điều khoản 17: Các viên trú sứ sẽ kiểm soát việc trị an ở các đô thị, và quyền kiểm soát của họ đối với các quan chức bản xứ sẽ mở rộng ra theo sự phát triển của các đô thị đó.

Điều khoản 18: Các viên trú sứ với sự giúp đỡ của quan bố chánh, sẽ tập trung trong tay việc thuế má mà họ kiểm soát việc thu chi.

Điều khoản 19: Việc thương chính được sắp đặt lại sẽ được hoàn toàn giao cho các quan cai trị Pháp. Chỉ có các trạm thuế cửa biển và đường biên giới sẽ được đặt khắp các nơi cần thiết. Về ngạch thương chính do các quan binh ở Bắc Kỳ đặt ra thì không được kêu nại gì cả.

Điều khoản 20: Công dân hay dân thuộc quốc tịch Pháp sẽ được hưởng tự do hoàn toàn về nhân thân và tài sản của họ trong toàn xứ Bắc Kỳ và tại các cửa biển

khai thương ở Trung Kỳ. Ở Bắc Kỳ và trong giới hạn các cửa biển khai thương ở xứ Trung Kỳ, họ sẽ có thể tự do đi lại, cư trú và sở hữu tài sản. Tất cả những người ngoại quốc xin được hưởng sự bảo hộ của Pháp thường xuyên hoặc tạm thời cũng sẽ được như vậy.

Điều khoản 21: Những người vì mục đích khoa học hay vì mục đích nào khác mà muốn đi du lịch trong nước Nam sẽ chỉ được phép qua môi giới của trú sứ Pháp ở Huế, Pháp sứ ở Nam Kỳ hay là tổng ủy viên chính phủ Pháp ở Bắc Kỳ. Các vị này sẽ cấp cho họ những giấy thông hành, rồi họ trình triều đình An Nam phê chuẩn.

Điều khoản 22: Nước Pháp sẽ đóng những đồn binh dọc theo sông Hồng khi xét thấy sự đề phòng đó là cần thiết để bảo đảm cho sự tự do giao thông trên sông. Nước Pháp cũng sẽ có thể lập những đồn binh vĩnh viễn ở khắp những nơi mà xét thấy có lợi.

Điều khoản 23: Từ nay về sau, nước Pháp cam đoan bảo đảm sự vẹn toàn của các xứ của nhà vua An Nam, bảo vệ nhà vua chống lại mọi cuộc ngoại xâm từ bên ngoài, hay các cuộc nội loạn và ủng hộ những yêu sách chính đáng của ngài với người nước ngoài.

Nước Pháp một mình cam đoan đánh đuổi ra khỏi Bắc Kỳ những đội quân được biết tới dưới cái tên “Quân Cờ đen” và bảo đảm bằng những phương sách của mình sự trị an và tự do buôn bán trên sông Hồng.

Vua nước Nam sẽ tiếp tục cai trị các xứ của mình như trước, trừ những điều hạn chế do hiệp ước này quy định.

Điều khoản 24: Nước Pháp sẽ cung cấp cho vua nước Nam tất cả những người huấn luyện, kỹ sư, bác học, sĩ quan v.v... mà nhà vua sẽ cần dùng.

Điều khoản 25: Nước Pháp sẽ coi mọi người An Nam, ở mọi nơi, ở trong cũng như ở ngoài nước, như những người được bảo hộ đích thực của mình.

Điều khoản 26: Những món nợ hiện nay của nước Nam đối với nước Pháp sẽ được coi như đã thanh toán, do việc cắt nhượng tỉnh Bình Thuận.

Điều khoản 27: Sẽ có những cuộc bàn bạc để quyết định số tiền giao cho triều đình nước Nam trong số quan thuế cước phí điện tín v.v... trong nước, số quan thuế ở Bắc Kỳ và thuế về các cuộc chuyên mại độc quyền, như cơ sở kỹ nghệ sẽ được phép lập ở Bắc Kỳ. Món tiền trích giao ở số thuế thu đó không được dưới hai triệu quan tiền Pháp.

Đồng bạc Mễ Tây Cơ và các tiền tệ bằng bạc của xứ Nam Kỳ thuộc Pháp sẽ cùng với các tiền tệ của nước Nam đồng thời cưỡng bách lưu hành trên khắp vương quốc.

HIỆP ƯỚC PATONOTRE

Khoản 1: Nước Đại Nam tự nhận nước Đại Pháp giúp đỡ, nghĩa là nước Đại Nam có giao thông với nước nào, thì nước Đại Pháp giúp đỡ công việc, và nhân dân nước Đại Nam có ở nước ngoài thì Đại Pháp cũng giúp đỡ.

Khoản 2: Quân nước Đại Pháp đóng lâu ở đồn cửa biển Thuận An, từ cửa biển ấy lên đến kinh thành, các đồn lũy ở ven sông và công việc phòng bị, nước Đại Nam cần phải triệt bỏ.

Khoản 3: Địa giới nước Đại Nam từ giáp tỉnh Biên Hòa, Nam Kỳ về phía Bắc cho đến giáp tỉnh Ninh Bình Bắc Kỳ, các quan viên ở tỉnh đều làm chức tự trị dân như cũ. Trừ ra các nha Thương chính và cục Tạo Tác, nên cơ quan Pháp trông coi, còn việc thường mà có ứng dụng quan bác vật hãy dùng người khác để trông coi.

Khoản 4: nước Đại Nam từ giáp tỉnh Biên Hòa đến giáp tỉnh Ninh Bình, những tỉnh ở khoảng giữa ấy, trừ ra cửa biển Thi Nai đã mở buôn rồi, nay Đà Nẵng thuộc tỉnh Quảng Nam, Xuân Đài thuộc tỉnh Phú Yên, hai cửa biển đó nên mở thêm bên buôn ra, ngoài ra các cửa biển khác, sau này xét có ích lợi thì họp bàn mở

thêm việc buôn. Nước Pháp cũng có đặt quan ở những chỗ bến buôn mở thêm ấy. nhưng những quan ấy phải theo lệnh của quan khâm sứ đại thần ở Kinh.

Khoản 5: Quan khâm sứ đại thần đóng ở Kinh, chuyển về giữ công việc ngoại giao nước Đại Nam với nước ngoài, không có dự kịp tới công việc các tỉnh ở trong giới hạn khoản 3. khâm sứ đại thần, lại được thăng vào tâu với đại hoàng đế nước Đại Nam. Quan khâm sứ đại thần ấy ở trong kinh thành có quân Pháp theo hầu.

Khoản 6: Các tỉnh nước Đại Nam từ giáp Ninh Bình trở về phía Bắc, tỉnh nào có sự cần cấp, thì nước Đại Pháp nên đặt công sứ hay bọn phó công sứ, thì trong các tỉnh ấy gần chỗ quan tỉnh ở thì công sứ, phó sứ đó, có lính Pháp hay lính Nam theo hầu.

Khoản thứ 7: Quan công sứ nước Pháp đặt ở tỉnh nào ở Bắc Kỳ, quan công sứ không được dự làm những việc dân chính trong các tỉnh ấy, các quan tỉnh ấy không kể là hạn quan nào, cứ cai trị hạt dân như cũ. Như quan Pháp có kiểm được quan Nam nào nên thay đổi, có xin thay đổi ấy sẽ thay đổi.

Khoản 8: Nước Đại Pháp không kể viên dịch nào, như có việc gì nên tư báo với các quan nước Đại Nam thì do quan công sứ nước Pháp tư báo mà thôi.

Khoản 9: Nước Đại Pháp sẽ dựng một con đường điện báo, từ Sài Gòn đến Hà Nội, chuyên do người Pháp trông làm, khoản này nếu được tiền lời bao nhiêu, nước Pháp trích sẽ trích lấy một phần giao cho nước Nam tiêu dùng, vì nước Nam có nhường phần đất để đủ chỗ làm, do đó những nhân viên điện báo mới có thể dựng được buồng bếp nhà cửa để ở.

Khoản 10: Các người ngoại quốc ngụ ở nước Đại Nam từ giáp Biên Hòa đến giáp Ninh Bình và địa hạt Bắc Kỳ, thì điều chịu dưới quyền nước Đại Pháp xử đoán, như người nước Nam cùng người nước ngoài, hay người nước ngoài cùng người nước Nam có việc gì tranh kiện nhau thì đều do quan nước Pháp phân xử.

Khoản 11: Nước Đại Pháp từ giáp tỉnh Biên Hòa đến giáp tỉnh Ninh Bình, thì quan Bố chính chiếu thu thuế lệ về cho triều đình nước Đại Nam y theo như cũ,

không có quan Pháp kiểm cố tới đó. Đến như địa hạt Bắc Kỳ thì quan công sứ hợp với quan bố chính, tóm các thuế lệ mỗi tỉnh một xứ, khiến cho tiện việc kiểm cố, biết được số sở thu và sở chi, khi thu xong, quan nước Đại Pháp và quan nước Đại Nam hội đồng chuẩn định sự chi phí các nơi và các số công nhu tiền kẽm bao nhiêu, số chi còn bao nhiêu, quy nộp vào kho ở Kinh của triều đình nước Đại Nam.

Khoản 12: Các sở Thương chính ở trong nước Đại Nam, lại muốn bàn định giao hết cho quan Đại Pháp chuyên biện, những sở Thương chính có nên xây dựng thì chỉ ở những nơi ven biển và biên giới ma thôi, lấy các sở Thương chính trước, quan võ nước Pháp đã làm như thế nào, nước Đại Nam ngày nay cũng nên thôi bàn đến như điều lệ các sở Thương chính và các lệ thuế ngoại ngạch kíp các khoản lệ cấm các thuyền không được vào cửa biển, trong khi có dịch khí thì trong nước Đại Nam và các sở Bắc Kỳ cũng y như điều lệ của 6 tỉnh Nam Kỳ.

Khoản 13: Trong địa hạt Bắc Kỳ, nước Đại Nam và những người Pháp mở buôn ở các sở và những người được nước Pháp bảo trợ, đều được đi lại buôn bán, mua đất dựng cửa hàng, thung dung tự tiện, lại khoản các giám mục, linh mục giảng giáo cho giáo dân đã ước định ở ngày 15/3/1874, tức ngày 27/1 năm Tự Đức thứ 27. Nay Đại hoàng đế nước Đại Nam cũng phê chuẩn y như khoản ấy.

Khoản 14: Như có người nước ngoài muốn đi trong nước Đại Nam có công việc gì thì phải xin giấy thông hành ở quan Khâm sứ tại Kinh, hay thống thống Gia Định, đến trình qua nước Đại Nam phê chuẩn đóng ấn vào hai chữ “ dĩ trình” mới có thể đi được.

Khoản 15: Nước Đại Pháp tự hứa rằng, từ sau đi xin giúp Đại hoàng đế nước Đại Nam hoàn toàn tốt đẹp và trong nước khỏi phải giặc cướp trong ngoài, do đó mà nước Đại Pháp chiều cho là ở trong nước Đại Nam hoặc Bắc Kỳ hay nơi nào cần kíp có nên đóng quân thì được dùng quân đóng để bảo trợ.

Khoản 16: Đại hoàng đế nước Đại Nam cai trị trong nước, trừ ra những điều đã định ở trong hòa ước ngoài, còn đều theo như cũ.

Khoản 17: Nước Đại Nam còn thiếu số bạc của nước Pháp tức là món nợ Y Pha Nho sau để bàn định tính trả, nước Đại Nam đừng đi vay mượn nước ngoài. Nếu nước Pháp không đồng ý thì nước Đại Nam không được vay nước ngoài.

Khoản 18: Sau khi quan của hai nước hội đồng chia định giới hạn các nơi mở buôn và việc nhượng đất cho người mở bến buôn, trong đó có bàn dự cây đèn pha ở nước Đại Nam từ ven biển Biên Hòa đến giáp Ninh Bình cùng địa hạt Bắc Kỳ, và lệ định thuế khai các mỏ, lệ dùng tiền bạc. Hội đồng định chia các sở Thương chính và các lợi tạp thuế và thuế điện báo, và chia các khoản thuế chưa cho liệt vào khoản thứ 11, trích giao cho nước Đại Nam nhận dùng. Điều ước ấy đệ về, đưa tới triều đình Đại Pháp và tiến lên Đại hoàng đế nước Đại Nam phê chuẩn tùy tức trao đổi.

Khoản 19: Tờ ước này thay thế cho các tờ ước ký vào ngày 23/11, ngày 30/8 và ngày 15/3/1879, khi nào hai bên như có thay đổi ý kiến ở trong tờ ước đó thì cứ lấy bản chữ Pháp làm chính, toàn quyền đại thần của 2 bên đã ký tên và đóng ấn ở tờ ước ấy là bằng, tờ ước đã lập ở Kinh vào ngày 13/5 năm Kiến Phúc thứ 1 tức là ngày 6/6/1884. Dự thương phụ chính đại thần Nguyễn Văn Tường, toàn quyền đại thần Phạm Thân Duật, phó toàn quyền đại thần Tôn Thất Phiên đều kí tên đóng ấn.

